TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 265/2024/DS-PT
Ngày 27 tháng 5 năm 2024
V/v. Tranh chấp QSD đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phùng Hải Hiệp;

Các Thẩm phán: Ông Điều Văn Hằng;

Ông Bùi Anh Thắng.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Minh Tùng, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lã Thị Tú Anh, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 194/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất", do có kháng cáo của nguyên đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5387/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn***: Bà Đồng Thị M, sinh năm 1961; địa chỉ: thôn B xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

**** Bị đơn***: Ông Phạm Trường G, sinh năm 1953 và bà Bùi Thị H, sinh năm 1957; cùng địa chỉ: thôn B, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng. Đều có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Chị Phạm Thị C, sinh năm 1986 và anh Phạm Văn T, sinh năm 1991; cùng thường trú: thôn B, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; hiện cư trú tại: E, 109 R, A-xơ-len. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đồng Thị M; địa chỉ: thôn B, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

2. Ông Phạm Văn C1, sinh năm 1958; địa chỉ: thôn B, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

3. Bà Lê Thị O, sinh năm 1964 và ông Phạm Văn T1, sinh năm 1958; cùng

địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng. Bà O vắng mặt, ông T1 có mặt.

4. Bà Phạm Thị Hồng V; địa chỉ: Số B D, quận L, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Bà Phạm Thị B, sinh năm 1983; địa chỉ: Số F T, V, quận L, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

6. Ông Phạm Văn G1, sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn F, H, T, Hải Phòng. Có mặt.

7. Ông Phạm Thanh T2, sinh năm 1985; nơi cư trú: Số B T, phường T, quận L, Hải Phòng. Có mặt.

8. Bà Phạm Thị T3, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn C1, sinh năm 1958; địa chỉ: thôn B, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

9. Bà Đàm Thị Minh N, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn G1, sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn F, H, T, Hải Phòng. Có mặt.

10. Anh Phạm Trung D, sinh năm 1980; nơi cư trú: Số nhà B D, quận L, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

11. Ông Phạm Văn B1, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

12. Ông Phạm Văn T4; địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

13. Ông Phạm Văn C2; địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

**** Người làm chứng***: Bà Phạm Thị S, sinh năm 1948; địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Đồng Thị M trình bày:

Bà có chồng là Phạm Văn T5, chết năm 2011, không để lại di chúc. Ông T5 có cha mẹ đẻ là cụ Phạm Văn L và cụ Bùi Thị N1, đều đã chết trước ông T5. Bà và ông T5 kết hôn năm 1985 và có 03 con chung là Phạm Thị C, Phạm Văn T6 (chết 2009, không vợ con), Phạm Văn T. Thửa đất của bố mẹ chồng được chia cho 04 người con trai, trong đó vợ chồng ông bà được bố mẹ chồng chia cho 432m^2 đất. Ngày 20/6/2008 bà và ông T5 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp

GCNQSDĐ số AM 761409, thửa đất 887 (tờ bản đồ số 02, diện tích 432,5m^2 tại Đường Đ, xã H, huyện T, Hải Phòng). Năm 2014, bà H và ông G (ông G là anh trai ông T5) xây dựng nhà thờ và sân lấn sang phần đất của gia đình bà là 111m^2 đất. Trước khi ông G, bà H làm nhà thờ thì bà chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau khi làm nhà thờ xong thì bà mới được cấp GCNQSDĐ. Việc ông G và bà H làm nhà thờ lấn sang đất của gia đình bà, theo biên bản thẩm định và định giá tài sản bà được biết diện tích thực tế là 85,5m^2 đất nên bà đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà buộc ông G, bà H trả lại diện tích đất 85,5m^2, bà không chấp nhận nhận bằng tiền. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà có từ năm 2008, việc bà hiến đất thì không có tài liệu chứng cứ nên đề nghị Tòa án xem xét buộc ông G, bà H trả lại đất cho bà.

Bị đơn ông Phạm Trường G và bà Bùi Thị H trình bày:

Bố mẹ ông G là cụ Phạm Văn L và cụ Bùi Thị N1 có để lại diện tích đất 3 sào 8, đã phân chia cho 03 người con trai, ông Phạm Trường G được 432,5m^2, ông Phạm Văn T1 được 473m^2, ông Phạm Văn T5 (vợ là bà Đồng Thị M) được 432,5m^2. Nhưng đất nhà ông G đa phần là đất ao do vợ chồng bà M đã xây nhà lấn sang phần đất mà bố mẹ cho ông G, cuối cùng đất nhà ông G bị dồn xuống phần đất ao. Năm 2014, các ông bà đã họp chi họ và thống nhất xây dựng nhà thờ của chi họ. Thời điểm xây dựng nhà thờ có mặt bà M và con của bà M, bà M và con đã thống nhất hiến một phần đất xây dựng nhà thờ chi họ do bà không có tiền, những người khác trong chi họ thì người góp công, người góp của để xây dựng nhà thờ chi họ. Đến năm 2015, nhà thờ đã được xây dựng xong và chi họ thường xuyên tổ chức cúng giỗ, không xảy ra mâu thuẫn. Đến thời điểm gần đây, bà M khởi kiện yêu cầu ông G, bà H trả lại một phần diện tích đất xây dựng nhà thờ lấn sang đất nhà bà, ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà M.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Anh Phạm Văn T, chị Phạm Thị C hiện đang ở nước ngoài, tài liệu xác minh thông tin xuất nhập cảnh thể hiện chị C xuất cảnh lần gần nhất là ngày 16/12/2019, anh T xuất cảnh lần gần nhất là ngày 15/8/2022, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Anh chị có giấy ủy quyền đã được hợp pháp hóa lãnh sự, ủy quyền cho mẹ là bà Đồng Thị M đại diện thay anh chị tham gia tố tụng.

- Ông Phạm Văn C1 thống nhất với ý kiến của ông G và bà H đã trình bày, ông đưa ra quan điểm: Gia đình ông đóng góp 25 triệu đồng và toàn bộ đồ thờ trị giá 50 triệu đồng. Hàng năm chi họ đều tổ chức cúng bái, không có tranh chấp đất với ai. Ông đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M.

- Ông Phạm Văn T1 trình bày: Khoảng năm 2014 chi họ P có tiến hành họp bàn để thống nhất xây dựng nhà thờ của chi họ P. Ông G là trưởng chi họ Phạm nên tự nguyện góp đất để xây dựng nhà thờ họ P. Lúc đó bà M sang nhà ông và đưa ra ý kiến tự nguyện góp một phần đất để xây dựng nhà thờ chi họ, vợ ông là bà Lê Thị O cũng có mặt chứng kiến. Thời điểm kéo dây đo đất làm nhà thờ thì bà M và con trai cũng có mặt. Mọi người trong chi họ thống nhất người góp công,

người góp tiền, người góp đất xây dựng nhà thờ từ năm 2014 đến năm 2015. Ông T1 cũng góp 10.000.000 đồng và 30 công. Ông đề nghị nếu trường hợp chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M thì không tháo dỡ nhà thờ chi họ.

- Ông Phạm Văn G1 trình bày: Khi họp bàn xây dựng nhà thờ có cả bà M tham gia và đồng ý góp đất để xây dựng nhà thờ. Gia đình ông cũng đóng góp xây dựng là 20 công, 04 bộ bàn ghế lốc trị giá 5.500.000 đồng, cốp pha trị giá 8.000.000 đồng, con gái ông góp 5.000.000 đồng. Họ Phạm V1 đồng ý cho ông Phạm Văn C1 là người đại diện của chi họ.

- Ông Phạm Văn B1 trình bày: Ông B1 góp 10 công là 3.000.000 đồng.

- Bà Phạm Thị T3 trình bày: Bà M có tham gia họp hiến đất, bà T3 góp 5.000.000 đồng.

- Bà Đàm Thị Minh N trình bày: Bà M có tham gia họp xây dựng nhà thờ, bà N tham gia góp 10.000.000 đồng

- Ông Phạm Thanh T2 trình bày: Ông có tham gia góp 100.000.000 đồng cho chi họ xây dựng nhà thờ.

Các tài liệu Tòa án thu thập được như sau:

- Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 30/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên thì diện tích đất chồng lấn khoảng 111m^2. Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/7/2023 thì diện tích chồng lấn được xác định lại là 85,5m^2 tại thửa đất số 887(1), tờ bản đồ số 02, tại thôn B, xã H, huyện T, Hải Phòng. Về tài sản trên đất có 01 nhà thờ, đổ mái bằng, lợp ngói đỏ nền gạch men, cửa nhôm kính xây dựng năm 2015; 01 sân trước nhà thờ, lát gạch men, 01 đoạn tường bao xây gạch chỉ, bó trát, sơn cao khoảng 1,5m.

- Biên bản định giá tài sản ngày 30/12/2022 thể hiện: Về đất, giá đất nhà nước quy định là 1.200.000 đồng/m^2; giá đất giao dịch trên thị trường khoảng 8.000.000 đồng/m^2. Giá trị tài sản trên đất là 384.400.000 đồng.

- Sơ đồ hiện trạng ngày 28/7/2023 của Công ty TNHH T9 thể hiện: Thửa số 887(1), tờ bản đồ số 02 địa chỉ Đường Đ, xã H, huyện T, Hải Phòng (thửa đất của bà M, ông T5), thể hiện hiện tích theo hiện trạng sử dụng đất là 347,0m^2, diện tích ghép các cạnh theo GCNQSDĐ là 432,5m^2, thiếu 85,5m^2. Thửa số 887(2), tờ bản đồ số 02 địa chỉ Đường Đ, xã H, huyện T, Hải Phòng (thửa đất của ông G, bà H), thể hiện hiện tích theo hiện trạng sử dụng đất là 516m^2, diện tích ghép các cạnh theo GCNQSDĐ là 434,5m^2, thừa 82m^2.

- Biên bản làm việc với ông Nguyễn Văn T7, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng: Ông là hàng xóm với ông G, bà H, ông làm nghề xây dựng; được ông G, ông T8, ông G1 thuê để làm xây dựng toàn bộ nhà thờ chi họ P từ năm 2014-2015. Lúc tham gia họp bàn thì mẹ con bà M có tham gia góp đất để xây nhà thờ, con trai bà M có cắm ranh giới, mốc giới xây dựng nhà thờ. Mọi người trong họ đều góp công, góp của xây dựng nhà thờ và

hàng năm nhà thờ đều tổ chức cúng giỗ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 26/01/2024, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng căn cứ vào khoản 9 Điều 26, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 37, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 160, Điều 166 Luật đất đai năm 2013, quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đồng Thị M về việc buộc ông Phạm Trường G và bà Bùi Thị H phải trả lại cho bà diện tích đất 85,5m^2 tại thửa đất số 887(1), tờ bản đồ số 02 tại xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng, diện tích 85,5m^2 này đã dùng vào xây dựng nhà thờ họ P (Chi họ ông Phạm Trường G).

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phạm Trường G và bà Bùi Thị H trả cho bà Đồng Thị M 200.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, và thông báo về quyền kháng cáo của đương sự, nghĩa vụ thi hành án, nghĩa vụ chậm trả theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/02/2024, nguyên đơn là bà Đồng Thị M có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn là bà Đồng Thị M không rút đơn khởi kiện; giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và về cơ bản vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm. Đồng thời, bà M xuất trình thêm tài liệu là các Biên lai thể hiện gia đình bà đã đóng thuế đối với diện tích đất theo GCNQSD đất được UBND huyện T cấp.

Bị đơn là ông Phạm Trường G và bà Bùi Thị H về cơ bản giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn C1, ông Phạm Văn G1, ông Phạm Văn T1, ông Phạm Thanh T2, anh Phạm Trung D, bà Phạm Thị B đều khẳng định có việc bàn bạc xây dựng nhà thờ, bà M có tham gia và tự nguyện hiến đất.

Người làm chứng là bà Phạm Thị S (chị gái ông G) xác định không biết, không được tham gia họp nhưng có biết việc xây nhà thờ, có đóng góp xây dựng nhưng không biết có việc bà M hiến đất hay không.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án: Kháng cáo của bà Đồng Thị M là hợp lệ. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về

nội dung, kháng cáo của bà Đồng Thị M là không có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên về việc các đương sự có quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đính chính lại GCNQSD đất là có thiếu sót. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa một phần bản án sơ thẩm về nội dung này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của nguyên đơn là bà Đồng Thị M trong thời hạn luật định và hợp lệ, được chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Thị C, anh Phạm Văn T, bà Phạm Thị T3, bà Đàm Thị Minh N vắng mặt nhưng đã có người đại diện hợp pháp tham gia tố tụng; bà Phạm Thị Hồng V vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; bà Lê Thị O, ông Phạm Văn B1, ông Phạm Văn T4, ông Phạm Văn C2 vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét kháng cáo của bà Đồng Thị M, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Các đương sự đều thống nhất trình bày nguồn gốc diện tích đất của gia đình bà Đồng Thị M và gia đình ông Phạm Trường G là một phần của diện tích đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cụ Phạm Văn L (chết năm 2004) và cụ Bùi Thị N1 (chết năm 1998). Sinh thời các cụ đã chia tách đất cho 03 người con trai là ông Phạm Trường G, ông Phạm Văn T1, ông Phạm Văn T5 (chồng bà M, đã chết năm 2011), theo đó vợ chồng bà M, ông T5 được quyền sử dụng thửa đất số 887(1); vợ chồng ông G, bà H được quyền sử dụng thửa đất số 887(2), tờ bản đồ số 02, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng. Ông G, ông T1 và ông T5 đã đi làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cùng được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 20/6/2008. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp thì diện tích thửa đất số 887(1) của gia đình ông T5, bà M là 432,5m^2; diện tích thửa đất số 887(2) của gia đình ông G, bà H là 434,5m^2.

[3.2] Năm 2014, ông G khởi xướng và được sự nhất trí của các thành viên trong Chi họ Phạm đã tiến hành xây dựng Nhà thờ Chi họ Phạm. Nhà thờ được xây xong vào năm 2015, tọa lạc trên một phần đất của gia đình ông G, bà H và một phần đất của gia đình ông T5, bà M. Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/7/2023 do Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng lập và Sơ đồ hiện trạng ngày 28/7/2023 do Công ty TNHH T9 lập thì diện tích xây dựng Nhà thờ đã chồng lấn lên diện tích đất tại thửa số 887(1) của gia đình ông T5, bà M là 85,5m^2. Các bên đương sự không có tranh chấp hoặc khiếu nại gì về số liệu diện tích đo đạc này.

[3.3] Năm 2022, bà M khởi kiện vụ án. Quá trình giải quyết vụ án, bà M yêu cầu ông G, bà H trả lại cho gia đình bà diện tích đất 85,5m^2 xây dựng Nhà thờ đã lấn sang đất của gia đình bà, bà không đồng ý nhận giá trị quyền sử dụng đất bằng tiền, không yêu cầu phá dỡ Nhà thờ mà yêu cầu ông G, bà H trả cho bà phần đất trống hiện nay gia đình ông G, bà H chưa sử dụng, với các lý do: Việc phân chia đất giữa các anh em trong gia đình ông T5 chồng bà trước đây bà không biết, không được tham gia và bà cũng không biết việc gia đình được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chỉ mãi sau này khi ông Phạm Văn G1 (là anh em họ ông T5) đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà thì bà mới biết Nhà thờ được xây đã lấn sang đất của gia đình bà, đồng thời bà M khẳng định không được tham gia bất kỳ cuộc họp nào của gia đình về việc xây dựng Nhà thờ, không có việc bà đồng ý hiến đất để xây Nhà thờ.

Về phía ông G, bà H, ông bà khẳng định việc xây dựng Nhà thờ đã được bàn bạc, thống nhất trong chi họ; bà M có tham gia họp và tự nguyện hiến đất để xây Nhà thờ; khi khởi công xây dựng, bà M có mặt, các con bà M còn tham gia cắm mốc; quá trình xây dựng, các thành viên trong chi họ đều tham gia đóng góp tiền bạc, công sức; Nhà thờ xây dựng xong, bà M còn có thời gian trực tiếp trông nom (thời gian này ông G, bà H sống ở chỗ khác, sau này mới về đất của mình để xây nhà) và chi họ thường xuyên tổ chức cúng giỗ, không xảy ra tranh chấp, mâu thuẫn.

Nội dung trình bày nêu trên của ông G, bà H là phù hợp với trình bày của các thành viên trong Chi họ Phạm trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án về việc các thành viên trong Chi họ P đã thống nhất cùng nhau đóng góp để xây dựng Nhà thờ và có việc bà M tự nguyện hiến một phần đất để xây dựng Nhà thờ; phù hợp với thực tế việc xây Nhà thờ diễn ra trong khoảng thời gian dài mà không phát sinh tranh chấp, gia đình bà M có tham gia trong quá trình xây dựng, khi đó gia đình bà M vẫn ở trên nhà đất của gia đình, sau khi xây dựng Nhà thờ xong, bà M lại là người trực tiếp trông nom Nhà thờ và tiến hành xây lại toàn bộ hệ thống tường bao trên phần đất của gia đình nên hoàn toàn biết được ranh giới đất của gia đình mình, nhưng bà M và các con không hề có ý kiến phản đối. Ngoài ra, thực tế gia đình bà M đã quản lý, sử dụng đất, xây nhà trên đất của gia đình ổn định từ rất nhiều năm trước đây, đã kê khai, đăng ký và được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2008 (thời điểm trước khi ông T5 chết). Tại Bản tự khai ngày 13/4/2023 (BL103,104), chính bà M trình bày: "*...Chồng tôi mất năm 2011 thì đến năm 2015 về lấy lý do làm nhà thờ cố tình làm lấn chiếm trên phần đất của gia đình tôi, trên phần đất đó tôi có trồng cau, hồng, na, sân của tôi chính ông G đã phá đi khi căng dây đóng cọc móng nhà ...*". Tại phiên tòa phúc thẩm, ông G1 khẳng định không có việc ông đi nhận hộ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T5, bà M; không có việc ông giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này đến khi nhà thờ xây xong mới đưa lại bà M. Do đó, việc bà M cho rằng do ông G1 giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà nên bà không biết được việc ông G xây dựng lấn đất, không biết ranh giới đất của gia đình đến đâu là không có cơ sở chấp nhận.

[3.4] Mặc dù hồ sơ vụ án không có tài liệu, văn bản nào thể hiện gia đình

bà M đã hiến đất xây dựng Nhà thờ. Tuy nhiên thực tế Nhà thờ của C3 họ Phạm được xây dựng công khai từ năm 2014, sau khi Nhà thờ xây xong (năm 2015), trong khoảng thời gian tương đối dài (từ năm 2015 đến năm 2022) Chi họ P thường xuyên tổ chức cúng giỗ tại đây nhưng giữa các bên không phát sinh tranh chấp. Toàn bộ diện tích khuôn viên nhà thờ được xây dựng trên phần đất của gia đình ông G và gia đình bà M, là nơi thờ cúng tổ tiên chung của C3 họ Phạm, là nơi sinh hoạt tâm linh của các thành viên trong chi họ nên việc buộc ông G, bà H tháo dỡ Nhà thờ để trả lại đất cho bà M (vì ông G, bà H không đồng ý cắt trả diện tích đất khác chưa sử dụng của gia đình cho bà M) là việc làm không đúng chuẩn mực, phong tục tập quán về tín ngưỡng thờ cúng tại địa phương.

Với những tình tiết, sự kiện được phân tích tại phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định gia đình bà M đã tự nguyện hiến phần đất 85,5m^2 đang tranh chấp để xây dựng Nhà thờ để từ đó quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M, đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của ông G, bà H trả cho bà M số tiền 200.000.000 đồng là có cơ sở, phù hợp với thực tế, đạo lý và lẽ công bằng. Tại cấp phúc thẩm, không phát sinh tình tiết mới, do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà M.

[4] Về án phí: Bà Đồng Thị M là người cao tuổi và đã có đơn đề nghị được miễn nộp án phí nên được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Với kết quả giải quyết vụ án như phân tích nêu trên thì các bên đương sự có liên quan có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đính chính hoặc điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải sửa bản án sơ thẩm về nội dung này.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên, căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Đồng Thị M; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

2. Về án phí: Bà Đồng Thị M được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND thành phố Hải Phòng;*
- *VKSND thành phố Hải Phòng;*
- *Cục THADS thành phố Hải Phòng;*
- *Các đương sự (theo địa chỉ);*
- *Lưu HS, phòng HCTP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phùng Hải Hiệp